

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Anh

Ông Lê Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Anh T, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã P, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Thanh L, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Lâm Thanh L chung sống với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không thể chung sống được nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T xác định có 01 người con chung tên Lâm Thanh L1, sinh ngày 17/02/2019. Khi ly hôn chị T xin nuôi con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị T xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lâm Thanh L tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt trình bày:

Về hôn nhân: Anh L đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh L đồng ý theo yêu cầu chị T.

Về tài sản chung: Anh L xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Anh T và anh Lâm Thanh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh L chung sống với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Đắk Lắk nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T yêu cầu xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Đối với cháu Lâm Thanh L1, sinh năm 2019 tại đơn ghi nguyện vọng của cháu thể hiện nguyện vọng được sống với chị T. Do đó, cần giao cháu Lâm Thanh L1, sinh năm 2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Chị T và anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Anh T. Cho chị Nguyễn Anh T được ly hôn với anh Lâm Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Thanh L, sinh năm 2019 cho chị Nguyễn Anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Lâm Thanh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004129 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Anh T và anh Lâm Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Cư Pong, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Yến